

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-PT
Ngày 11-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiêm

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2026/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2026/QĐPT-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B. Địa chỉ: Số 117, đường Q, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Chu Hưng T: Giám đốc B BANK, Chi nhánh Lạng Sơn; Căn cước công dân số: 001080024***, cấp ngày 24 tháng 4 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; (văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 3 năm 2022); vắng mặt.

2. Ông Lê Duy N: Phó Phòng Xử lý nợ B AMC. Căn cước công dân số 001083041*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 21 tháng 4 năm 2021 (văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 8 năm 2025); có mặt.

3. Bà Phạm Thị Bích H: Chuyên viên Xử lý nợ B AMC. Căn cước công dân số 034193015*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 14 tháng 5 năm 2023 (văn bản uỷ quyền ngày 19 tháng 8 năm 2025); có mặt.

4. Bà Bùi Phạm Thuỷ V: Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng thương mại cổ phần B, Chi nhánh Lạng Sơn. Căn cước công dân số 030194005*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 29 tháng 4 năm 2021, (văn bản uỷ quyền ngày 19 tháng 8 năm 2025); vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nông Thị H, sinh năm 1989. Căn cước công dân số 020189002*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an, cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; có mặt.

2. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1988. Căn cước công dân số 038088038*** do Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023; có mặt.

Cùng có đăng ký thường trú tại: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

Cùng có nơi ở tại: Phố M, phường T, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1975. Căn cước công dân số 020175005*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 11 tháng 8 năm 2021. Cư trú tại: Đường T, khu N20, phường K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1966. Cư trú tại: Khu phố 16, H, Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng thương mại cổ phần B, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16-6-2023, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B (viết tắt là Ngân hàng) và các bị đơn bà Nông Thị H, ông Phạm Văn L ký kết Hợp đồng tín dụng số 0000395592/2023/HĐTD/BacABank (sau viết tắt là Hợp đồng tín dụng). Theo đó, Ngân hàng cho bà Nông Thị H và ông Phạm Văn L vay số tiền là 2.500.000.000đồng; mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn cho vay là 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng; lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ; lãi quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc; trường hợp bên vay không thanh toán lãi đúng hạn

thì phải trả lãi suất chậm trả bằng 10%/năm và được tính trên cơ sở dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.500.000.000 đồng cho các bị đơn theo Khế ước nhận nợ số 02-000039592/2023/KUNN-BacABank ngày 02-12-2023, có chữ ký xác nhận của bên vay. Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 05-02-2024.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên chi tiết theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0302/2022/HĐTC/BacABank ký ngày 24-01-2022 giữa Ngân hàng và các bị đơn (viết tắt là Hợp đồng thế chấp số 0302) là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 128, diện tích 164,9m², tờ bản đồ địa chính số 20 (viết tắt là thửa đất số 128) xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Diện tích đất trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 20-3-2020 cho ông Vi Văn N, bà Lương Ngọc C. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Ngày 24-01-2022 chuyển nhượng cho các bị đơn. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền ngày 25-01-2022.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1618/2022/HĐTC/BacABank ký ngày 10-6-2022 giữa Ngân hàng và các bị đơn (viết tắt là Hợp đồng thế chấp số 1618) là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151, diện tích 223,2m², tờ bản đồ địa chính số 20 (viết tắt là thửa đất số 151) xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Diện tích đất trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 18-02-2022 cho ông Hoàng Huy T, bà Triệu Thị T. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Ngày 18-3-2022 chuyển nhượng cho các bị đơn. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền ngày 13-6-2022.

Theo các Hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp nói trên còn được đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ gồm gốc, lãi phí, tiền phạt, tiền bồi thường, nghĩa vụ tài chính khác phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh, Thỏa thuận cấp bảo lãnh, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng chiết khấu, Hợp đồng ứng trước, Hợp đồng bao thanh toán, Thỏa thuận/Văn bản cấp tín dụng, các cam kết khác và các phụ lục, văn bản, sửa đổi, bổ sung ký kết giữa Ngân hàng (Bên A) với các bị đơn (Bên B), cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 0000353030/2022/HĐTD/BacABank ký giữa Bên A và Bên B và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng này (nếu có). Các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng chiết khấu, Hợp đồng ứng trước, Hợp đồng bao thanh toán, Thỏa thuận/Văn bản cấp tín dụng, các cam kết khác và các phụ lục, văn bản, sửa đổi, bổ sung ký kết giữa bên A với Bên B trong khoảng thời gian từ ngày 14-01-2022 đến ngày 10-6-2032 (đối với Hợp đồng thế chấp số 0302) và từ ngày 10-6-2022 đến ngày 10-6-2032 (đối với Hợp đồng thế chấp số 1618). Các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh, Thỏa thuận cấp bảo lãnh, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng chiết khấu, Hợp đồng ứng trước, Hợp đồng bao thanh toán, Thỏa thuận/Văn bản cấp tín dụng, các cam kết

khác và các phụ lục, văn bản, sửa đổi, bổ sung ký kết giữa Bên A với Bên B trước và sau ngày ký Hợp đồng này.

Ngày 27-5-2023 bà Nông Thị H ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ quốc tế (viết tắt Hợp đồng phát hành thẻ) hạn mức thẻ là 50.000.000đồng để phục vụ tiêu dùng cá nhân. Sau khi được Ngân hàng phát hành thẻ thành công, bà Nông Thị H đã sử dụng một phần hạn mức thẻ được cấp và không tiến hành thanh toán dư nợ thẻ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định kể từ ngày 05-02-2024.

Theo Biên bản xem xét, hiện trạng đất tranh chấp ngày 05-3-2025 và các Mảnh trích đo địa chính số 16A-2025, 16B-2025 do Công ty cổ phần đo đạc Nam Phương thực hiện ngày 05-3-2025 thể hiện. Thửa đất số 128 có diện tích 164,9m² đất, trên đất không có tài sản gì. Thửa đất số 151 có diện tích 205,1m² bị đơn đang quản lý, sử dụng; còn diện tích 18,1m² bị đơn không quản lý, sử dụng, trên đó có một phần ngôi nhà cấp 4 có diện tích 15,1m² do người khác tạo lập, quản lý và sử dụng; ngoài ra, bị đơn có đang quản lý, sử dụng 8,0m² thuộc một phần thửa đất số 107 đất suối, tờ bản đồ địa chính số 20 xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B tại đơn khởi kiện đề ngày 26-9-2024 gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm ngày 01-10-2024 thể hiện: Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn bà Nông Thị H, ông Phạm Văn L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng ngày 16-6-2023 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn về khoản vay 2.500.000.000đồng. Ngân hàng yêu cầu các bị đơn trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26-9-2024 là 2.699.433.883đồng bao gồm gốc lãi và phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27-9-2024 cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý 02 tài sản bảo đảm là thửa đất số 151, 128 theo quy định. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì các bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong khoản nợ.

Ngày 15-12-2025, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên họp nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo Đơn khởi kiện. Ngày 26-12-2025, nguyên đơn có gửi Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 25-12-2025 đến Tòa án cấp sơ thẩm. Tại đơn này nguyên đơn có bổ sung nội dung khởi kiện buộc các bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25-12-2025 phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ quốc tế ngày 27-05-2023 là 62.608.330đồng cùng toàn bộ dư nợ thẻ phát sinh thêm kể từ ngày 26-12-2025 cho đến ngày thực tế thanh toán xong khoản nợ. Nếu các bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm

quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151, 128 để thu hồi nợ theo quy định. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì các bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong khoản nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn: Phải thanh toán số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21-01-2026 là 3.214.688.900 đồng và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, phát sinh kể từ ngày 22-01-2026; Phải thanh toán toàn bộ lãi và gốc phát sinh từ Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ quốc tế ngày 27-05-2023 và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, phát sinh cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay. Trường hợp các bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151, 128 để thu hồi nợ theo quy định. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì các bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong khoản nợ.

Các bị đơn ông Phạm Văn L. Bà Nông Thị H trước khi mở phiên họp xác nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng thế chấp đúng như nguyên đơn trình bày và nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp ngày 15-12-2025, ông Phạm Văn L nhất trí với trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết; nhất trí nếu không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 128 và một phần thửa đất số 151 với diện tích 205,1m² để thu hồi nợ theo quy định. Phần diện tích còn lại 18,1m² thuộc một phần thửa đất số 151 ông Phạm Văn L không nhất trí xử lý để thu hồi nợ bởi các bị đơn không sử dụng diện tích đất này và trên đất cũng có một phần công trình ngôi nhà cấp 4 của người khác đã tồn tại trước khi các bị đơn nhận chuyển nhượng thửa đất số 151. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì các bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong khoản nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Văn L nhất trí trả toàn bộ số nợ gốc cho nguyên đơn, đồng ý xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất số 128 và diện tích 205,1m² thuộc thửa đất số 151 để thu hồi nợ nếu bị đơn không thanh toán nợ theo quy định; không đồng ý xử lý tài sản thế chấp đối với diện tích 18,1m² thuộc thửa đất số 151 chồng lấn với bà Hoàng Thị N do chưa có quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về diện tích đất chồng lấn này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N trình bày: Ngày 07-6-2025 bà có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 150-1 diện tích 75,0m², tờ bản đồ địa chính số 20 (viết tắt là thửa đất số 150-1) xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất ngày 24-7-2013 mang tên bà Lê Thị N. Hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện tại Văn phòng công chứng Trương Hải N nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo luật định. Trên phần đất bà nhận chuyển

nhượng có ngôi nhà cấp 4 do chủ cũ xây dựng từ khoảng năm 2002-2004. Nay có một phần ngôi nhà cấp 4 lại thuộc một phần thửa đất số 151 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên vợ chồng bị đơn. Như vậy, đã có sự chồng lấn đất đai đối với diện tích 18,1m² đất hiện đang có tranh chấp. Tuy nhiên, bà Hoàng Thị N không có yêu cầu độc lập mà chỉ đề nghị giải quyết diện tích đất chồng lấn theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

1. Buộc bà Nông Thị H và ông Phạm Văn L phải thanh toán trả cho Ngân hàng các khoản tiền còn chưa thanh toán tính đến ngày 21-01-2026 theo Hợp đồng tín dụng ngày 16-6-2023, với tổng số tiền là 3.214.688.900 đồng bao gồm tiền nợ gốc, tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn, tiền nợ lãi đối với lãi trong hạn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ngân hàng được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 42.995.000 đồng theo Biên lai số 0000617 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Bà Nông Thị H và ông Phạm Văn L phải cùng chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 96.293.778 đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bà Nông Thị H và ông Phạm Văn L không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nghĩa vụ nêu trên, thì Ngân hàng có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm, gồm:

3.1. Thửa đất số 128 thuộc quyền quản lý, sử dụng của các bị đơn theo GCNQSDĐ cấp ngày 20-3-2020 cho ông Vi Văn N, bà Lương Ngọc C, chuyển nhượng cho các bị đơn ngày 24-01-2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0302. Tài sản gắn liền với đất: Không có.

3.2. Đất có diện tích 205,1m² được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm: B1, B2, B5, B6 được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 16B-2025 thuộc một phần thửa đất số 151 thuộc quyền quản lý, sử dụng của các bị đơn theo GCNQSDĐ cấp ngày 18-02-2022 cho ông Hoàng Huy T, bà Triệu Thị T, chuyển nhượng cho các bị đơn ngày 18-3-2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1618. Tài sản gắn liền với đất: Không có.

3.3. Tuyên bố một phần nội dung của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1618 ngày 10-6-2022 về việc thế chấp đất có diện tích 18,1m² được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm B2, B3, B4, B5 được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 16B-2025 thuộc một phần thửa đất số 151 theo GCNQSDĐ cấp ngày 18-02-2022 cho ông Hoàng Huy T, bà Triệu Thị T, chuyển nhượng cho các bị đơn ngày 18-3-2022 là vô hiệu.

4. Trường hợp, sau khi xử lý tài sản đảm bảo nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì các bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng

cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi suất sau ngày xét xử sơ thẩm, về thỏa thuận thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc các bị đơn phải thanh toán khoản tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 27-5-2023, tạm tính đến ngày 30-7-2025 là 40.969.231đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ diện tích 223,2m² tại thửa đất số 151 theo GCNQSDĐ cấp ngày 18-02-2022 cho ông Hoàng Huy T, bà Triệu Thị T, chuyển nhượng cho các bị đơn ngày 18-3-2022 để thu hồi nợ.

Tại cấp phúc thẩm:

Đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn về tài sản thế chấp thuộc thửa đất số 151 và việc xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung; lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm rõ về việc chuyển nhượng đất và tài sản là công trình hiện có trên thửa đất 151 và 150-1.

Văn phòng công chứng Trương Hải N có Văn bản số 140/TB-VPCCTHN ngày 03-4-2026 và tài liệu kèm theo liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 150-1.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn có các Văn bản số 1798/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 14-4-2026 và Văn bản số 2065/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 23-4-2026 về việc cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ và tài liệu kèm theo liên quan đến thửa đất số 150, 150-1, 151.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ngân hàng chỉ xác định được đến ngày xét xử phúc thẩm tổng số tiền các bị đơn phải thanh toán theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 27-5-2023 là 53.260.003đồng, Ngân hàng không cung cấp, không giải trình được cụ thể số tiền gốc, số tiền lãi theo các mốc thời gian của khoản tiền đó.

Các bị đơn ông Phạm Văn L và bà Nông Thị H nhất trí với toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên, các bị đơn yêu cầu Ngân hàng cung cấp, giải trình rõ số tiền gốc, số tiền lãi các bị đơn còn nợ của nguyên đơn tính đến ngày xét xử phúc thẩm theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 27-5-2023.

Bà Hoàng Thị N không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa xác định: Tòa án cấp sơ thẩm tiếp nhận đơn khởi kiện bổ sung ngày 26-12-2025 của nguyên đơn nhưng không thực hiện thủ tục thụ lý bổ sung cũng không thông tin cho đương sự về việc không thụ lý bổ sung. Các bị đơn vay Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cùng thời điểm, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hai hợp đồng nên việc khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là cần thiết để đảm bảo thu hồi nợ, mặt khác nguyên đơn có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của mình trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm tại phiên tòa sơ thẩm nên việc cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết đối với khoản vay Thẻ tín dụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất 151 mà chỉ dựa vào Biên bản xem xét hiện trạng đất tranh chấp trong quá trình hòa giải nên không xác định rõ ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa 150 hay 151. Theo kết quả thu thập tài liệu bổ sung tại cấp phúc thẩm thể hiện thửa đất số 150 có sự chia tách, có sự chuyển nhượng giữa nhiều chủ đất, bà Lê Thị N được cấp GCNQSDĐ thửa đất này vào ngày 24-7-2013. Đến ngày 07-6-2025, bà Lê Thị N lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 150-1 cho bà Hoàng Thị N nhưng chưa thực hiện sang tên trên GCNQSDĐ. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ nguồn gốc, thời điểm hình thành tài sản trên đất, không đưa bà Lê Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đã giải quyết tuyên vô hiệu một phần nội dung Hợp đồng thế chấp đối với phần diện tích đất 18,1m² thuộc thửa đất số 151 là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Với những vi phạm trên, cấp phúc thẩm không khắc phục được, mà cần hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, làm rõ và thực hiện giải quyết lại vụ án mới đảm bảo khách quan, toàn diện, triệt để, đảm bảo hai cấp xét xử. Nội dung kháng cáo của nguyên đơn, ý kiến của các đương sự, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi giải quyết vụ án.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 01/2026/KDTM-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt hoặc có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người này.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B, thấy rằng:

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[4] Thứ nhất: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26-9-2024 của nguyên đơn gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn bà Nông Thị H, ông Phạm Văn L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng ngày 16-6-2023 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn về khoản vay số tiền 2.500.000.000đồng gốc và lãi suất phát sinh. Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý 02 tài sản bảo đảm là thửa đất số 151, 128 theo quy định. Tại Thông báo thụ lý vụ án số 12/2025/TB-TLVA ngày 24-10-2025 xác định rõ đây là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và nguyên đơn là Ngân hàng; bị đơn là ông Phạm Văn L, bà Nông Thị H (bút lục số 143-144).

[5] Thứ 2: Ngày 05-12-2025, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải xác định phiên họp được mở vào hồi 09 giờ ngày 15-12-2025 (bút lục số 200). Phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải được thực hiện vào sáng ngày 15-12-2025 (bút lục 210-214). Sau khi kết thúc phiên họp, Tòa án cấp sơ thẩm giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QDXXST-KDTM ngày 15-12-2025 cho các đương sự có mặt, tại quyết định thể hiện thời gian mở phiên tòa vào sáng ngày 08-01-2026.

[6] Thứ 3: Ngày 26-12-2025, nguyên đơn có gửi Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 25-12-2025 đến Tòa án cấp sơ thẩm (bút lục số 227-229), bổ sung nội dung khởi kiện buộc các bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25-12-2025 phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ quốc tế ngày 27-05-2023 là 62.608.330đồng cùng toàn bộ dư nợ thẻ phát sinh thêm kể từ ngày 26-12-2025 cho đến ngày thực tế thanh toán xong khoản nợ. Nếu các bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151, 128 để thu hồi nợ theo quy định Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, không giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn trong thời gian luật định.

[7] Thứ 4: Tại phiên tòa kinh doanh thương mại sơ thẩm ngày 08-01-2026 do đương sự vắng mặt nên Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào sáng ngày 21-01-2026. Tại phiên tòa kinh doanh thương mại sơ thẩm (mở lần thứ 2) ngày 26-01-2026, nguyên đơn vẫn yêu cầu giải quyết đối với số tiền nợ gốc, lãi phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm

Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ quốc tế ngày 27-05-2023 theo đơn khởi kiện bổ sung cùng toàn bộ dư nợ thẻ phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Nếu các bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151, 128 để thu hồi nợ theo quy định ... (bút lục số 278).

[8] Thứ 5: Tại mục [1.1] phần Nhận định của Tòa án của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nhận định như sau: Về việc Ngân hàng bổ sung nội dung khởi kiện đối với Thẻ tín dụng: Ngày 15-12-2025, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 25-12-2025, Ngân hàng có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện có bổ sung nội dung khởi kiện đối với Thẻ tín dụng. Nên xác định nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với Thẻ tín dụng là sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngoài ra, mục đích vay của Thẻ tín dụng là vay tiêu dùng. Quyền, nghĩa vụ phát sinh từ Thẻ tín dụng là quan hệ pháp luật dân sự, không phải là quan hệ pháp luật kinh doanh, thương mại. Do đó, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Thẻ tín dụng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Thẻ tín dụng để giải quyết trong cùng vụ án này. Nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án khác.

[9] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không phụ thuộc vào thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã xác định rõ: Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vấn đề này chỉ liên quan đến yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định: Nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với Thẻ tín dụng là sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Mặt khác, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về số tiền nợ tạm tính đến ngày 25-12-2025 phát sinh từ giấy đề nghị kiểm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ quốc tế ngày 27-05-2023 tuy mục đích vay của Thẻ tín dụng là vay tiêu dùng; quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Thẻ tín dụng là quan hệ pháp luật dân sự, không phải là quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại nhưng đều cùng về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản vẫn giữa nguyên đơn là Ngân hàng, bị đơn là ông Phạm Văn L, bà Nông Thị H; các bị đơn vay Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cùng thời điểm; các bị đơn đều đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hai khoản vay này; vẫn liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất số 128, 151. Do đó, nhận định của cấp sơ thẩm xác định việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Thẻ tín dụng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, chính bị đơn ông Phạm Văn L cũng nhất trí trả toàn bộ số nợ gốc, trong đó có số

nợ gốc tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ (bút lục số 278). Vì vậy, có đủ cơ sở pháp lý xác định cấp sơ thẩm chưa xem xét, chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[10] Đối với việc xem xét, thẩm định tại chỗ

[11] Thứ nhất: Tòa án cấp sơ thẩm sau khi nhận Đơn khởi kiện của nguyên đơn đã chuyển vụ việc sang hòa giải và ra Quyết định phân công Thẩm phán phụ trách, hòa giải đối thoại. Ngày 05-3-2025, Thẩm phán phụ trách, hòa giải đối thoại cùng đại diện chính quyền thôn, xã nơi có thửa đất số 128, 151 và nguyên đơn, bị đơn, đơn vị đo đạc đã tiến hành lập Biên bản xem xét, hiện trạng đất tranh chấp. Theo Biên bản xem xét, hiện trạng đất tranh chấp và các Mảnh trích đo địa chính số 16A-2025, 16B-2025 cùng ngày 05-3-2025 thể hiện. Thửa đất số 128 có diện tích 164,9m² đất, trên đất không có tài sản gì. Thửa đất số 151 có diện tích 205,1m² bị đơn đang quản lý, sử dụng; diện tích 18,1m² bị đơn không quản lý, sử dụng, trên đó có một phần ngôi nhà cấp 4 có diện tích 15,1m² do người khác tạo lập, quản lý và sử dụng; phần diện tích còn lại của ngôi nhà cấp 4 đó nằm trên thửa đất số 150 (có diện tích 329,6m² đất ở); ngoài ra, bị đơn đang sử dụng 8,0m² thuộc một phần thửa đất số 107 đất suôi. Tại Mảnh trích đo số 16B-2025 không hề thể hiện ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 150-1 (bút lục số 120). Do nguyên đơn và bị đơn không đạt được thỏa thuận, thống nhất về toàn bộ nội dung phải giải quyết trong đơn khởi kiện nên Hòa giải viên đã lập biên bản chấm dứt việc hòa giải và chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết theo thẩm quyền (bút lục số 125-126).

[12] Thứ 2: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án theo thủ tục tố tụng, thì cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo tại các Hợp đồng thế chấp nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp mà sử dụng kết quả tại các Mảnh trích đo địa chính số 16A-2025, 16B-2025 để giải quyết vụ án. Tại khoản 3 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định rõ: Khi tiến hành biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án phải ra quyết định, trong đó nêu rõ lý do và yêu cầu của Tòa án. Tại Mảnh trích đo số 16B-2025 không hề thể hiện ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 150-1 có diện tích 75,0m² mà chỉ thể hiện nằm trên thửa đất số 150 có diện tích 329,6m². Như vậy, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05-3-2025 nhất là đối với các vấn đề liên quan đến thửa đất số 151, 150 (phần đất có công trình ngôi nhà cấp 4) đã không đúng quy định của pháp luật tố tụng và mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà chưa được xem xét và làm rõ.

[13] Thứ 3: Tại cấp phúc thẩm cũng đã có Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn làm rõ về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại Văn bản số 26/2026/CV-AMC ngày 14-4-2026 của Ngân hàng về việc đề nghị không tiếp tục tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung.

[14] Về thu thập chứng cứ và người tham gia tố tụng.

[15] Thứ nhất: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đơn thuần căn cứ lời khai và tài liệu bà Hoàng Thị N cung cấp đó là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07-6-2025 đối với thửa đất số 150-1 để xác định trong diện tích 18,1m² thuộc một phần thửa đất số 151 hiện có một phần ngôi nhà cấp 4 với diện tích 15,1m² có chồng lẫn với phần diện tích 18,1m² đất bà Hoàng Thị N đã nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị N. Tuy nhiên, như phân tích ở trên theo Mảnh trích đo số 16B-2025 không hề thể hiện ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 150-1 mà chỉ thể hiện nằm trên thửa đất số 150 có diện tích 329,6m². Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 07-6-2025 tại Văn phòng công chứng Trương Hải N giữa bà Lê Thị N và bà Hoàng Thị N thể hiện giữa các bên có chuyển nhượng thửa đất số 150-1. Chính bà Hoàng Thị N trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm đều khẳng định rõ: Việc chuyển nhượng thửa đất 150-1 giữa hai bên mới thực hiện tại Văn phòng công chứng, hai bên chưa hoàn tất các thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật đất đai.

[16] Thứ 2: Cấp phúc thẩm đã đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cung cấp các thông tin liên quan đến thửa đất số 151, 150 và 150-1. Tại Văn bản số 1798/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 14-4-2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Lạng Sơn thể hiện: Tại Bản đồ địa chính xã H (cũ) lập năm 2001, thửa đất số 150, có diện tích 329,6m² mang tên ông Hoàng Đức X. Năm 2011, ông Hoàng Đức X kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ thửa đất số 150 tách thành thửa đất số 150-1, diện tích 75,0m² và thửa đất số 150, diện tích 161,0m². Phần diện tích còn lại của thửa đất số 150 chưa được kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 150-1 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND huyện) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 24-6-2011 cho ông Hoàng Đức X. Ngày 29-6-2011, ông Hoàng Đức X chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 150-1 cho bà Lê Thị H và UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26-7-2011 cho bà Lê Thị H. Ngày 22-5-2013, bà Lê Thị H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị N và UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24-7-2013 cho bà Lê Thị N. Thửa đất số 150, diện tích 161,0m² được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-3-2010 cho ông Hoàng Đức X và bà Lưu Thị V. Năm 2017, ông Hoàng Đức X và bà Lưu Thị V chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến H và bà Đồng Thị Minh T, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-7-2017. Ngoài ra, tại trích lục bản đồ thể hiện thửa đất số 150 diện tích 161m² giáp thửa đất số 150-1, không giáp thửa đất số 151.

[17] Như vậy có căn cứ xác định thửa đất số 151 giáp thửa đất số 150-1 hiện nay có ngôi nhà trên đất, chủ sử dụng hợp pháp đứng tên trên GCNQSDĐ là bà Lê Thị N. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ nguồn gốc, thời điểm hình thành tài sản trên đất, không đưa bà Lê Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã giải quyết tuyên vô hiệu một phần nội dung Hợp đồng thế chấp đối với phần diện tích đất 18,1m² thuộc thửa đất số 151 là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi

của đương sự. Tại cấp phúc thẩm đã đưa bà Lê Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để khắc phục vi phạm này. Tuy nhiên, bà Lê Thị N đã không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến, phản hồi gì gửi đến Tòa án cấp phúc thẩm.

[18] Từ những nhận định trên thấy, cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng; chưa xem xét, giải quyết hết các yêu cầu của đương sự; không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ; không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để vụ án được giải quyết khách quan, toàn diện và triệt để; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, xét thấy cần hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[19] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ý kiến của người kháng cáo và những người tham gia tố tụng khác sẽ được xem xét, giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Các vấn đề vi phạm trên yêu cầu cấp sơ thẩm phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[20] Do Bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2026/KDTM-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm: Số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được quyết định khi Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000345 ngày 12-02-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDKV 1 - Lạng Sơn;
- VKSNDKV 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADSKV1- Lạng Sơn;
- Đường sự;
-;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa